

Đồng hành trong hiệp thông



Anh chị em thân yêu, ngày 10 tháng hai vừa qua, lễ kỷ niệm thánh nữ Scholastica, nhân dịp thăm viếng Đại hội Toàn Dòng Xitô Nhật Phép (OCSO) trước ngày bầu Viện Phụ Tổng Dòng mới của họ, tôi có cho một bài nói chuyện về sự đồng hành. Bài nói chuyện đã tạo ra một cuộc đối thoại hào hứng trong cử tọa cũng như sau đó. Tôi cũng đã đề nghị bài nói chuyện này trong những Cuộc Hội Hạp của một số Hội Dòng, và nhận ra rằng nếu toàn Dòng biết bài nói chuyện này ấy cũng là điều ích lợi để chuẩn bị Đại Hội Toàn Dòng tháng mười tới. Đó là lý do tôi nghĩ đến việc gửi bài nói chuyện này cho các anh chị như một Bức Thư nhân dịp Lễ Hiện Xuống, phần nữa sự đồng hành có thể là một trong những ơn chính của Chúa Thánh Thần cho Giáo Hội từ nguyên thủy. Hôm nay, đức giáo hoàng Phan-xi-cô mời gọi chúng ta khám phá lại bản chất đồng hành của Giáo Hội như một sự Hiện Xuống đối mới để phục vụ công cuộc rao giảng tin mừng mới cho thế giới bị tổn thương và khao khát hoà bình và cứu độ. Chúng ta hãy hợp với ngài và toàn thể cầu nguyện để Đấng Thánh Linh Bầu Chữa biến chúng ta, như bà Maria và các Tông Đồ, thành những tôi tớ hèn mọn và những người bạn thân tín của Đấng Kitô Cứu Chuộc. Chúc tất cả một Lễ Hiện Xuống thánh thiện.

Tinh thức của sự đồng hành

Từ khi đức giáo hoàng Phan-xi-cô đề xướng hành trình đồng hành đồng thời nhắc lại là sự đồng hành thuộc về bản thể của Giáo Hội, tôi càng ý thức hơn đặc sủng biến đức-xitô của chúng ta mang ấn dấu của sự đồng hành của giáo hội. Chúng ta đều biết Hiến Chương Bác Ái là một tuyệt tác của ý thức đồng hành của gia đình đan tu chúng ta, và Tu luật của thánh Biển Đức đã truyền cảm hứng đến mức nào cho ý thức và kinh nghiệm đồng hành này nơi các tổ phụ tiên khởi của chúng ta. Tôi nhận thức rằng ý thức và kinh nghiệm đồng hành này mà Giáo Hội, 60 năm sau Công Đồng, dường như đang thức tỉnh, khơi dậy trong chúng ta một sự thức tỉnh về ý thức và về kinh nghiệm của đặc sủng chúng ta. Trong thực thể của những buổi hội họp, trong sự cộng tác giữa

các Tổng Dòng và trong Gia Đình Xitô, hay rộng hơn nữa trong cuộc tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề, cho những yếu điểm của những cộng đoàn của chúng ta, chẳng hạn như trong những cuộc Thăm Viếng định kỳ, chúng ta nhận thấy rằng không có giải pháp nào có thể mang lại hy vọng nếu nó không đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc « đồng hành », một hành trình đồng hành trên đó chúng ta tìm thấy nhất trí và năng lực để theo Chúa Kitô, « Con Đường, Sự Thật và Sự Sống » với tình yêu và tin tưởng.

« Ông Tô-ma nói với Chúa : “Thưa Thầy, chúng con không biết Thầy đi đâu, làm sao biết được đường?” Đức Giê-su đáp : “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống »(Ga 14, 5-6).

Chúng ta cũng thế, chúng ta luôn luôn tự hỏi : « làm sao biết đường », con đường chúng ta phải theo hôm nay, có thể trong đêm tối hay sương mù, có thể sau khi những lộ trình trên đó chúng ta vững dạ đi từ bao nhiêu năm nay trở nên không thể qua được, quá dốc đối với sức chúng ta quá trơn bởi vì bị phủ lấp bởi bao nhiêu sai lầm và bất trung của chúng ta. Biết bao nhiêu cầu đã sập đổ, bao nhiêu đường hầm bị đất đá lấp đầy, bao nhiêu lối mòn trở nên quá nguy hiểm để theo. Trước tình cảnh đó, câu trả lời của Chúa Kitô cho ông Tô-ma, người môn đệ lạc hướng một cách vang dội : « Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống ». Và Chúa nói thêm : « Không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Thầy »(Ga 14, 6).

Tô-ma, cũng như chúng ta, phải hiểu rằng ông không giải quyết sự lạc hướng của mình bằng cách khám phá ra một con đường mới an toàn mở ra trước mắt mình như một phép lạ, mà bằng sự hiện diện của Đấng đã xác tín rằng : « Chính Thầy là con đường! » Đột nhiên Tô-ma và những tông đồ khác nhận ra rằng các ông tìm đường bằng cách theo dõi chân trời, tương lai, không gian và thời gian che phủ bởi bóng tối và sương mù, trong khi con đường ở trước mắt các ông, cạnh các ông, cùng bàn với các ông. Các ông nhận rằng, cho dù không hiểu thấu lúc đó, con đường là đường-đi-với Chúa Kitô, một cuộc du hành không bắt đầu bằng xây rất đường lộ, cầu cống, đường hầm hay đường qua núi hoặc trong sa mạc, mà là ngồi cùng bàn hiệp thông với Chúa Giê-su và bởi Người, với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

Sự đồng hành bắt đầu và tự nuôi dưỡng trong sự hiệp thông và vẫn trung thực và mang hoa trái, vẫn là Thiên Chúa giáo nếu con đường được bao hàm luôn luôn là con đường với Chúa Kitô và với anh chị em chúng ta trong Chúa Kitô.

Hãy lên đường, Thấy ở cùng các anh em

Gần đây, tôi nhận ra rằng bối cảnh cuối cùng của Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu mô tả sự khởi đầu của hành trình đồng hành của Giáo Hội với tất cả những yếu tố cần thiết để theo đuổi. « Mười một môn đệ đi tới miền Ga-li-lê, đến ngọn núi Đức Giê-su đã truyền cho các ông đến. Khi thấy Người, các ông bái lạy, nhưng có mấy ông lại hoài nghi. Đức Giê-su đến gần, nói với các ông : “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế. ”(Mt 28, 16-20)

Đức Giê-su sai các môn đệ đến với tất cả các dân tộc và tới tận cùng trái đất với sứ mạng lan truyền sự hiệp thông Ba ngôi cho toàn thể nhân loại bằng phép rửa cho mọi người nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần. Người trấn an các ông là Người sẽ ở lại với các ông, nghĩa là hiệp thông với các ông mỗi ngày và mãi mãi. Điều này tạo ra ngay một đặc tính không thể thiếu của sứ mạng truyền giáo kitô hữu : các môn đệ chỉ có thể thực hiện sứ mạng truyền giáo trong sự hiệp thông lẫn nhau. Đức Giê-su nói : « Các anh em hãy lên đường! » : đây là một sứ mạng truyền giáo số nhiều mà chúng ta phải luôn luôn sống như cái “chúng ta” của giáo hội nó truyền đạt cái “CHÚNG TA” của Ba Ngôi Thiên Chúa.

Ngay khi còn ở trần gian, Đức Giê-su không bao giờ sai một môn đệ thực hiện một sứ mạng, mà luôn luôn hai người. Theo tôi nghĩ lần duy nhất mà Người sai môn đệ đi một mình là khi Người bảo ông Giu-đa, sau khi đưa cho ông ta miếng bánh : « Anh làm gì thì làm mau đi »(Ga 13, 27). Các môn đệ khác nghĩ rằng Đức Giê-su sai Giu-đa đi chu toàn một nhiệm vụ, nhưng chính ra là Xa-tan vừa nhập vào ông, thúc đẩy ông, dẫn lối cho ông, sai một mình ông đi phản bội sứ mạng của Chúa Kitô.

Việc Chúa Kitô sai các môn đệ mỗi lần hai người không chỉ là vấn đề thực tiễn tương trợ lẫn nhau. Thực ra, khi Người sai các ông đi, Người cho họ quyền năng chữa lành bệnh, đuổi quỷ, hồi sinh người chết, thoát khỏi đầu độc, vv...Môn đệ nào có tất cả những quyền lực này cho dù đơn thân độc mã, sẽ trở thành vô địch. Cần gì tới tương trợ của anh em. Trên thực tế, Đức Giê-su muốn rằng sứ mạng của các môn đệ làm chứng cho sức mạnh tiềm ẩn trong sự yếu đuối : « Anh em hãy ra đi. Nay Thầy sai anh em đi như chiên con đi vào giữa bầy sói »(Lc 10, 3), và người dặn thêm là các ông không được đem theo tiền bạc, dự trữ, cũng như vật dụng hữu ích cho sứ mạng. Tuy nhiên Người vừa mới nói là số thợ gặt ít ỏi (x. Lc 10, 2). Nhưng thay vì cúng cấp cho các môn đệ mũ áo phòng thân, cho phép họ thành lập một đạo quân nhỏ để bảo vệ an ninh, Người sai các ông đi không vũ khí, không bảo vệ, không phương tiện và như vậy đặt các ông vào nguy cơ tử đạo.

Thực thể của sứ mạng truyền giáo

Tất cả những điều nói trên cho thấy một cách hiển nhiên tầm quan trọng của điều duy nhất mà Đức Giê-su cho phép mang theo trong sứ mạng truyền giáo : tình huynh đệ, tình bạn, chăm sóc lẫn nhau, nói tóm lại là sự hiệp thông. Các môn đệ không cần những gì vừa nói để trở thành vững mạnh, nhưng chính là để rao giảng Tin Mừng không chỉ bằng cách nói về biến cố Chúa Kitô mà còn là truyền đạt Người, bằng cách truyền đạt kinh nghiệm về Người một kinh nghiệm hiện tại, không chỉ là một kinh nghiệm của quá khứ hoặc một kinh nghiệm hứa hẹn cho tương lai. Sự hiệp thông huynh đệ trong Chúa Kitô là thực thể của sứ mạng truyền giáo, của toàn thể sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội, của cả sứ mạng truyền giáo của các đan viện. Sự hiệp thông là lý do, phương pháp và mục đích ; nguồn gốc, ý nghĩa và cứu cánh nội tại của sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội.

Ngay sau khi ông Giu-đa rời Phòng Tiệc Ly, Đức Giê-su lại nói điều này với các môn đệ còn lại : « Thầy ban cho anh em một điều rắn mới là anh em hãy yêu thương nhau ; anh em hãy yêu thương nhau như thầy đã yêu thương anh em. Mọi người sẽ nhận biết

anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này : là anh em có lòng yêu thương nhau. » (Ga 13, 34-35)

Sự hiệp thông là tình yêu hỗ trợ, là yêu mến nhau. Đó là ngọn lửa tình yêu mà Đức Giê-su đã thổi lên trong lòng các môn đệ Người, trong Giáo hội bằng cách yêu thương chúng ta đến cùng, rửa chân chúng ta, nói với chúng ta về Chúa Cha và hiện diện thật sự giữa chúng ta.

Sự bất khả chia lìa giữa hiệp thông và sứ mạng truyền giáo được diễn tả bởi hai lời nói tương tự của Chúa Kitô phản ánh nhau như hai tấm biển mà ở giữa là màu nhiệm phục sinh của sự chết và sự sống lại của Chúa đang diễn tiến :

« Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em như vậy. Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy. » (Ga 15, 9)

« “Bình an cho anh em! Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em.” Nói xong Người thổi hơi vào các ông và bảo : “Anh em hãy nhận Thánh Thần”. » (Ga 20, 21-22)

Sự hiệp thông là tình yêu ba ngôi giữa Chúa Cha và Chúa Con trong ơn sủng của Thánh Linh, tình yêu tự bản chất luôn tỏa sáng. Sự hiệp thông truyền đạt. Bản chất của sự hiệp thông là sự truyền thông. Và sứ mạng truyền giáo là thông truyền sự hiệp thông. Không có sự hiệp thông thì không có sứ mạng truyền giáo. Sự hiệp thông là bản thể của sứ mạng truyền giáo. Sự hiệp thông là chủ đề duy nhất của sứ mạng truyền giáo. Hiểu theo nghĩa là nếu không có một kinh nghiệm hiệp thông, một thực thể hiệp thông, nói tóm lại một cộng đồng, cho dù chỉ là giữa hai người, một sự chung sống, một “chúng tôi”, nếu không có sự kiện này, sứ mạng truyền giáo trở thành như ánh sáng của những ngôi sao đã tắt từ bao nhiêu triệu năm nay và bây giờ chúng ta mới thấy. Chúng ta nhầm lẫn về sự hiện hữu của những vì sao này. Trên thực tế, ánh sáng này đã mất nguồn, mất bản thể, đối tượng tỏa sáng không còn nữa.

Chết cho chính mình để sống trong hiệp thông

Anh em hãy ra đi...hãy làm phép rửa...hãy dạy bảo...« và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế. »(Mt 28, 19-20). Chúng ta cần Chúa Kitô ở lại luôn luôn với chúng ta, yêu thương chúng ta như Chúa Cha yêu Người để nuôi dưỡng hầu lan truyền tình huynh đệ hiệp thông tới mọi dân tộc.

Tôi có cảm tưởng là cơn khủng hoảng lớn lao trong sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội, trên mọi tầng lớp, ngay cả trong những Tổng Dòng đan tu của chúng ta, không phải là cơn khủng hoảng của sự dẫn thân trong sứ mạng truyền giáo, mà là cơn khủng hoảng của sự hiệp thông, của vốn sống trong hiệp thông với Chúa Kitô. Chúng ta có nguy cơ phung phí ơn sủng hiện tại nếu chúng ta không thấu hiểu thế nào là quay về sự hiệp thông mà sự đồng hành đòi hỏi chúng ta để chúng ta sinh hoa lợi như sứ mạng truyền giáo. Nói cách khác, tôi có cảm tưởng là khi sống sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội ở mọi tầng lớp, không phải là sứ mạng truyền giáo làm chúng ta sợ, mà là sự hiệp thông. Tại sao? Bởi vì, để sống sự hiệp thông, một sự hoán cải nội tâm được đòi hỏi nơi chúng ta, hơn là một quyết định, một sự dẫn thân ngoại tại. Chúng ta được yêu cầu sống một quá trình biến cải chúng ta trong thâm tâm. Ngay sứ mạng truyền giáo cũng chắc chắn đòi hỏi một quyết định nội tâm, nó đòi hỏi lòng bác ái, sự hy sinh, khả năng loan báo và làm chứng cho tới sự tử đạo. Nhưng chính là sự hiệp thông mới đòi hỏi một sự hoán

cải sâu xa của bản thân mình, một cuộc vượt qua với bản chất phục sinh, bước vào sự sống qua cái chết. Bởi vì sự hiệp thông đòi hỏi sự vượt qua từ cái « tôi » tới « chúng tôi », sự vượt qua bởi đó cái « tôi » phải chết để sống lại.

Người ta không trở thành « chúng tôi » bằng tính cộng đơn giản nhưng qua sự biến đổi phục sinh. Cái « tôi » không trở thành « chúng tôi » bằng cách thêm những cái « tôi » khác cạnh cái « tôi » của tôi, như thêm những đồng tiền vào số tiền tôi có. Quả vậy, Đức Giê-su đã chọn dụ ngôn hạt lúa để giải thích bằng cách nào người ta đi từ « tôi » tới « chúng tôi » : « Thật, Thầy bảo thật anh em, nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình ; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác. Ai yêu quý mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai coi thường mạng sống mình ở đời này, thì sẽ giữ lại được cho sự sống đời đời. »(Ga 12, 24-25)

Đức Giê-su nhắc chúng ta rằng sự phong phú là do « không ở một mình », mà là trở nên « chúng tôi ». Chúng ta không sinh nhiều hoa trái nếu chúng ta khoẻ, đẹp, thông minh, đông đảo. Chúng ta sinh nhiều hoa lợi nếu chúng ta sống hiệp thông. Kẻ nghĩ rằng yêu đời mình tức là yêu quan niệm cá nhân riêng tư, tiện nghi riêng, bổng lộc riêng, lợi ích riêng, danh giá riêng, kẻ đó đánh mất đời sống mình. Đó là lý do tại sao Đức Giê-su kêu gọi chúng ta « thù ghét », không phải cuộc đời mà là hình ảnh sai lầm, đặt mình là trung tâm, tự lập của cuộc đời, hình ảnh chúng ta mang trong mình bởi tội lỗi.

Sự hiệp thông làm sợ hãi bởi bao hàm cái chết của chính mình. Khi ông Gio-an viết trong bức thư thứ nhất : « Chúng ta biết rằng : chúng ta đã từ cõi chết bước vào cõi sống, vì chúng ta yêu thương anh em. Kẻ không yêu thương, thì ở lại trong sự chết »(1 Ga 3, 14), ngài thực sự cho chúng ta hiểu rằng để tình yêu huynh đệ đưa chúng ta từ cõi chết tới sự sống, chúng ta cần phải chết, chết cho cuộc sống giả tạo vì chỉ thu gọn vào tình yêu cho riêng mình.

Những mức độ của sự phục sinh

Làm cách nào phục hưng sự hiệp thông, sự hiệp thông toả sáng hiện diện và tình yêu Chúa Kitô?

Tôi càng suy niệm Tu luật thánh Bến Đức, tôi càng nhận ra là Tu Luật này đề nghị với chúng ta một tiến trình quay về sự hiệp thông với Chúa Kitô. Tất cả Tu luật đề nghị trở đi trở lại những giai đoạn để trưởng thành trong đời sống hiệp thông với mục đích vượt qua từ sự chết của cái « tôi » giả tạo đơn độc tới đời sống phục sinh của cái « tôi » trong « chúng tôi » của giáo hội.

Tôi nghĩ, để giúp cho cuộc Họp Tổng Dòng và cho những chọn lựa cùng quyết định của chúng ta, chúng ta nên cùng nhau suy niệm chương 3 tuy ngắn nhưng rất phong phú của Tu Luật, bởi chương này mô tả chính xác một phương pháp đồng hành và suy xét trong hiệp thông.

Chương này bàn về việc triệu tập để hội ý anh em. Động từ sử dụng nói rõ là « triệu tập » và như vậy nhắc lại ý nghĩa nguyên thủy của từ « Éch-lê-sia (Ekklesia) dùng trong tiếng hy Lạp cổ để chỉ định hội nghị quần chúng nơi mà những công dân với đầy đủ quyền cùng với quyền phát biểu và bỏ phiếu tranh luận và quyết định những vấn đề ích lợi chung.

Nguồn gốc của từ này, như các anh chị đều biết, dựa trên động từ « ka-lê-ô » (kaleo) kêu gọi, mời, triệu tập đi trước bởi chữ « ếch » với nghĩa : từ (đó), ra khỏi. Nó cho ý tưởng một cuộc triệu tập bởi tuyển chọn, một hội nghị mà người tham dự được mời gọi với tư cách cá nhân như được chọn, có quyền tham dự, cũng như hội nghị công dân trong nước Hy Lạp cổ.

Những kitô hữu đã dùng cách riêng từ này để chỉ định cộng đoàn những tín đồ theo Chúa Kitô, dân Ít-ra-en mới, được triệu tập thành hội nghị hiệp thông, có tính cách phụng vụ cũng như bí tích, và suy xét để giúp đi tới những quyết định cho phép mọi người tiếp tục đồng hành theo Chúa Kitô Mục Tử lớn lao và tốt lành của linh hồn chúng ta.

Khi một cộng đoàn đan tu riêng, nam hoặc nữ, hay một cộng đoàn của những cộng đoàn như Tổng Dòng chúng ta tụ họp lại, cộng đoàn này phải ý thức lại mình là Giáo Hội, là tập hợp những người Thiên Chúa kêu gọi để sống hiệp thông trong Chúa Kitô và diễn tả sự hiệp thông này như một sứ mạng truyền giáo thời nay, trong khi thích ứng với hoàn cảnh và chuẩn đoán dấu hiệu thời đại. Viện phụ, đáng bề trên là người đầu tiên có trách nhiệm nhớ đến và giúp đỡ anh em để thực hành một sự đồng hành trong hiệp thông thật sự.

Như tôi đã nói, điều này đòi hỏi một sự hoán cải, một cái chết đối với chính mình, bởi vì chính bằng cách này mà dẫn bề trên và anh em được kêu gọi để vượt qua từ cái « tôi » tự lập sang « chúng ta », nghĩa là « tôi » trong hiệp thông, cái « tôi » huynh đệ.

Tôi muốn nhấn mạnh, ở chương 3 của Tu Luật thánh Biển Đức, ba điểm căn bản về cách thức mà sự vượt qua này có thể xảy ra. Theo tôi, thánh Biển Đức mô tả những kích thích căn bản của sự đồng hành trong hiệp thông mà tất cả chúng ta đều phải đào sâu và thực hành hiện nay hơn bao giờ hết trong tình trạng của Giáo Hội và những dòng tu. Nếu chúng ta có vẻ thiếu sức sống, có thể chính vì chúng ta không chấp nhận vượt từ cõi chết sang sự sống xuyên qua một tiến trình hiệp thông huynh đệ.

1. Gặp gỡ nhau

Khía cạnh đầu tiên nổi bật lên là tầm quan trọng của gặp gỡ nhau. « Viện phụ triệu tập toàn thể cộng đoàn » (TL 3, 1). Tôi không chắc chúng ta lưu tâm đầu tiên tới điều này. Tôi nhận thấy trong những sứ vụ của tôi là các cộng đoàn gặp khó khăn trong vấn đề gặp gỡ nhau, tụ tập nhau, hội họp nhau để chia sẻ điều mình nghĩ, sống và thực nghiệm. Tuy nhiên, như tôi đã nói, đặc tính chủ yếu của Giáo Hội là : một cuộc hội họp những người được gọi, những người được gọi để trở thành một hội đoàn, một « hội dòng » như thánh Biển Đức định nghĩa một cộng đoàn, theo nghĩa đen là một đàn chiên tụ họp lại và như vậy nhận biết một chủ chiên duy nhất, như Đức Giê-su nói trong chương 10 của Ông Gio-an : « Tôi chính là Mục Tử nhân lành. Tôi biết chiên của tôi, và chiên của tôi biết tôi, như Chúa Cha biết tôi, và tôi biết Chúa Cha, và tôi hy sinh mạng sống mình cho đàn chiên. Tôi còn có những chiên khác không thuộc ràn này. Tôi cũng phải đưa chúng về. Chúng sẽ nghe tiếng tôi. Và sẽ chỉ có một đàn chiên và một mục tử. »(Ga 10, 14-16). Như trong bài « ở đâu có tình yêu »(Ubi Caritas) : « Tình yêu Chúa Kitô đã kết hợp chúng ta làm một ».

Sự chênh mảng trong việc gặp gỡ nhau không phải là vấn đề của thời nay mà đã có từ thời Giáo Hội nguyên thủy, như Thư gửi tín hữu Do Thái đã tố giác : « Chúng ta hãy để ý đến nhau, làm sao cho người này thúc đẩy người kia sống yêu thương. Và làm những việc tốt. Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp, như và người quen làm ; trái lại, phải khuyến khích nhau, nhất là khi anh em thấy Ngày Chúa đã đến gần. »(Dt 10, 24-25)

Chúng ta tránh một điều gì vì hai lý do : bởi vì chúng ta không coi điều đó là quan trọng hay bởi vì chúng ta sợ. Càng ngày tôi càng có cảm tưởng là đằng sau sự lãnh đạm, là nỗi sợ sệt, sợ thức tế, bởi vì cuộc gặp gỡ, gặp gỡ anh em hay chị em là một sự chìm ngập trong thực tế của tha nhân nó tỏ lộ thực tế của chính mình và gây sợ hãi. Nhưng khi ta ưng thuận, khi ta buông thả sự đề kháng và tuân theo thực tế của tha nhân, khi chúng ta thực sự gặp gỡ họ, thực tế của người khác hiện ra trong vẻ đẹp thật sự, một thực tế tốt lành cho tôi, « rất tốt » như chính Thiên Chúa đã nói sau khi sáng tạo kẻ khác Mình, con người (x. St 1, 31).

Ca-in sợ phải sống đụng chạm thường xuyên với lòng tốt của A-ben, vì thế ông giết ông ấy. Nếu ông tìm gặp em ông, nếu ông nói chuyện với em ông, nếu ông lắng nghe ông ấy, ông sẽ khám phá ra là sự chung đụng với A-ben là điều hay cho ông, dạy ông biết sống hơn, có một liên hệ sâu xa, rộng rãi và tin tưởng hơn đối với Thiên Chúa.

Tôi thường cảm động trước cảnh Gia-cóp trở về quê ông với vợ, con và nhiều của cải, và được biết Ê-xau anh ông đang tiến về phía ông. Ông kinh hoàng. Ông không biết phải dùng chiến thuật nào, bày vẽ khôn khéo ngoại giao nào để làm nhẹ bớt một tình trạng bất lợi và nguy hại mà ông không thể tưởng tượng cách khác. Nhưng khi ông đối diện với Ê-xau, ông nhận ra rằng anh ông yêu quý ông, ông ấy khóc vì niềm vui được gặp lại ông, được hôn ông, và ông ta quên đi những lừa đảo mà ông Gia-cóp, lợi dụng tính thô bạo của ông và dùng mưu mẹo, đã bắt ông chịu.

« Ông Gia-cóp ngược mắt lên, thấy ông Ê-xau đang tiến đến, có bốn trăm người đi cùng. Ông Gia-cóp bèn chia các con cho bà Lê-a, bà Ra-khen và hai người nữ tỳ. Ông xếp các nữ tỳ với con của họ đi đầu, bà Lê-a với con bà đi xau, bà Ra-khen với Giu-se đi sau chót. Còn ông thì vượt lên phía trước họ và sụp xuống đất lạy bảy lần trước khi đến gần anh mình. Ông Ê-xau chạy lại đón em, ôm chầm lấy, bá cổ mà hôn, rồi cả hai cùng khóc. »(St 33, 1-4)

Việc hội họp trong Giáo Hội, trong các cộng đoàn của chúng ta không nên chỉ xảy ra khi chúng ta bị bắt buộc. Điều này phải là một câu trả lời thiết tha đối với một lời mời đầy tình yêu, như khi đức vua mời dự tiệc cưới của con mình trong dụ ngôn (Mt 22, 1 tt). Quả là khó khăn ý muốn hội họp một cách tự do. Niềm vui của chúng ta khi gặp gỡ anh chị em chúng ta quả là ít ỏi. Lắm khi chúng ta không ý thức rằng sự gặp gỡ trong Giáo Hội, sự chung sống trong cộng đoàn, trong Tổng Dòng, không có tính cách chính trị, điều hành, ngoại giao nhưng thần học, bởi vì đây là một cách thiết yếu để thực hiện trong chúng ta và giữa chúng ta hình ảnh Chúa Ba Ngôi mà chúng ta là, và chúng ta được gọi, được mời để trở nên mỗi ngày một hơn. Sợ hãi hoặc bác bỏ điều này thật là « bàn tay quỷ », là công trình của « kẻ chia rẽ » muốn tiêu huỷ nơi con người hình ảnh của Thiên Chúa mà Chúa Kitô đã tái tạo bởi sự chết sự sống lại của Người và bởi ơn sung của Thánh Linh Hiện Xuống.

Những người nào hoặc những cộng đoàn nào chấp thuận gặp nhau, cũng sẵn sàng đón nhận sự bất ngờ của phép lạ hiệp thông mà Thánh Linh luôn luôn muốn thực hiện giữa chúng ta.

2. Lắng nghe mọi người

Khía cạnh thứ hai, trực tiếp liên hệ với khía cạnh thứ nhất, mà thánh Biển Đức nhấn mạnh ở chương 3 của Tu Luật là tất cả chúng ta phải lắng nghe lẫn nhau. Viện phụ không phải là người duy nhất có bốn phận phải nghe, nếu như vậy người không cần phải triệu tập toàn thể cộng đoàn, người chỉ cần tham khảo ý kiến của mỗi đan sĩ là đủ. Nhưng không phải vậy, điều quan trọng là mỗi thành viên của cộng đoàn lắng nghe toàn thể. Sự lắng nghe trong hội thánh là một sự chia sẻ hơn là một cuộc tham khảo.

Thánh Biển Đức nhấn mạnh ở điểm phải lắng nghe mỗi anh em, ngay cả người trẻ nhất, nghĩa là người sau cùng, bởi chúng ta ý thức rằng điều tốt nhất, điều Chúa muốn nơi chúng ta, là một sự đồng tình nhất trí như là làm một cái kiềng bằng những vòng nhỏ ghép vào nhau cho đến khi vòng cuối cùng ghép lại với vòng đầu tiên, chỉ khi đó mới có một vòng kiềng đẹp và bền.

Sự lắng nghe mà thánh Biển Đức đề cập không phải là vấn đề quyền dân chủ : nó có tầm quan trọng thần học : « Sở dĩ cha truyền phải hội ý mọi người, vì Chúa thường tỏ cho kẻ ít tuổi những ý kiến hay hơn. »(TL 3, 3). Đây là vấn đề lắng nghe Thiên Chúa, và khi chúng ta lắng nghe Thiên Chúa, chúng ta biết chắc « điều gì hay hơn », tốt hơn, đúng hơn và đẹp hơn cho chúng ta.

Như vậy, ý thức được sở thích của Thiên Chúa đối với kẻ thấp bé nhất, kẻ sau cùng, kẻ hèn mọn nhất trước mắt chúng ta hay trước mắt thế gian, trở thành một kỷ luật không những để nghe mà còn để phát biểu. Mỗi anh em được khuyến khích trở thành nhỏ bé, trở thành « sau cùng », ngồi chỗ cuối cùng trong bàn tiệc chia xẻ Lời nói phát biểu : « Anh em hãy góp ý với tất cả lòng khiêm tốn từng phục, chớ đừng cố chấp bên vực quan điểm của mình. »(TL 3, 4). Đây cũng thế, chúng ta cảm nhận rằng cái dẫn chúng ta đến sự thật không phải là sự khẳng định của chính mình, của cái « tôi » mà là sự khẳng định của « chúng tôi », sự hiệp thông. Chỉ có lời nói diễn tả bởi cái « tôi » hiển mình trong « chúng tôi » mới là tiếng vọng của lời Chúa, của thánh ý Chúa bởi Người muốn điều tốt đẹp nhất cho chúng ta. Thực ra, cái « tôi » nó hy sinh cho « chúng tôi » bành trướng, trở nên cao quý hơn, đến độ lời nói nó trở thành lời Chúa và ý muốn nó trở thành ý Chúa.

Sự chú trọng tới việc lắng nghe nhau trong khiêm nhường làm triển nở sự hiệp thông hơn là làm những quyết định hay nhất. Vấn đề ở đây không phải là luôn luôn làm những quyết định tốt, mà làm tăng trưởng sự đồng tình, sự « cùng cảm nhận » của cộng đoàn, dựa trên « cùng đức tin » mà Chúa Thánh Thần cho chúng ta nhận thức khi chúng ta khám phá ra rằng Lời Chúa làm rung động trong chúng ta và giữa chúng ta tình yêu Chúa Kitô, Con Đường, Sự Thật và Sự Sống. « Dọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta chẳng bừng cháy lên sao? »(Lc 24, 32). Đây là kinh nghiệm chúng ta được kêu gọi cùng nhau trải qua, bởi vì Chúa Phục Sinh vẫn hiện diện, Người tiếp tục đi với chúng ta, nói với chúng ta.

3. Thẩm quyền đồng hành : con tim biết suy nghĩ

Theo tôi nghĩ, khía cạnh thứ ba là khía cạnh chủ yếu để mang trách nhiệm và là người thực sự có thẩm quyền, nghĩa là có khả năng giúp cộng đoàn triển nở trong hiệp thông và sứ mạng Chúa Kitô giao phó. Thánh Biển Đức yêu cầu viện phụ : « Sau khi lắng nghe ý kiến anh em, chính Người sẽ tự cân nhắc, rồi thực hiện điều Người thấy là ích lợi hơn. »(TL 3, 2)

« *Audiens consilium fratrum tractet apud se et quod utilius iudicaverit faciat* » : câu này đáng được suy niệm. Bề trên được gọi ra để phán đoán và hành động, đây là trách nhiệm người không thể thoái thác. Nhưng ở đây thánh Biển Đức giúp chúng ta hiểu rằng sự phán đoán và hành động chuẩn mực của một người có trách nhiệm, sự khôn ngoan của trái tim và bàn tay, như trong thánh vịnh 78 của vua Đa-vít - « Mực tử với lòng liêm chính, tay ông khéo léo, chần dốt họ »(Tv 78, 72) – là hoa trái của sự cộng hưởng trong tim của những gì chúng ta lắng nghe anh chị em.

« *Audiens consilium fratrum tractet apud se* ». Chúng ta tưởng như nghe thánh Lu-ca khi Người nói : « Còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng »(Lc 2, 19). Bà Maria đã biết lắng nghe Thiên Chúa bằng cách lắng nghe những lời đơn sơ của những người chần chiên đến châu Chúa Hải Đông. Một cách tương tự, viện phụ được mời lắng nghe tất cả, cho đến người cuối cùng.

Sự « tự cân nhắc », ta có thể nói (với thánh Grêgôriô cả) « sự sống với chính mình » sự suy niệm trong tim những gì chúng ta lắng nghe mọi người, có lẽ là khía cạnh quan trọng nhất, mặc dù ẩn khuất, của sự đồng hành trong hiệp thông, và tôi nghĩ sự suy niệm này được đòi hỏi không chỉ nơi đứng bề trên mà còn ở tất cả. Nếu lời chia sẻ không đi vào suy niệm của con tim, lời này có nguy cơ chỉ còn là một ý tưởng, một tin tức. Nó không trở nên một hạt giống rơi xuống đất và mang nhiều hoa trái, có thể sau một thời gian dài chờ đợi. Trong sự suy niệm nội tâm và thình lạng này, hiệp với sự cầu nguyện, những lời chia sẻ bừng sống, trở nên phong phú, trở thành những biển cố, những thực tại mới, những tiến tình của đời sống mới.

Tôi thường thấy rằng bản thân tôi và nhiều bề trên khác còn thiếu mức độ đồng hành này. Nhưng lời nếu chúng ta thiếu sự « đề cập với chính mình » những lời chúng ta trao đổi, chúng ta vẫn còn ở mức độ chính trị, hoặc ý thức hệ của đời sống giáo hội và cộng đoàn, của đời sống Tổng Dòng, và như vậy đời sống giáo hội vẫn còn mong manh và buông thả, không có sự hợp nhất thực sự, làm mời cho những cuộc tranh chấp quyền hành.

Nữ văn sĩ gốc do thái Etty Hillesum viết trong trại tập hợp Westerbork sau khi nghe đồng bạn than thở trong đêm : « Tôi muốn là trái tim biết nghĩ của cả trại tập trung »(Nhật ký, 03/10/1942). Đây mới là điều đáng nói. Lắng nghe nhau, dâng tặng, trước những lời nói, những phàn nàn, những lời khuyên, những ý tưởng, những dự án của các anh chị em chúng ta, con tim, lắng nghe, suy nghĩ, suy niệm như thế chúng ta cung cấp cho lời nói một mảnh đất để nảy mầm và sinh hoa trái cho Nước Chúa.

Tình yêu toàn năng

Tôi không thể kết thúc bài suy niệm thô thiển này mà không nghĩ tới thánh nữ Scholastica và cuộc gặp gỡ cuối cùng với thánh Biển Đức anh của cô. (Th. Grêgoriô Cả, Những Cuộc Đối Thoại, II, 33) Scholastica và Biển Đức làm một cuộc « hội họp » thường niên, trong đó họ ca tụng Thiên Chúa và có những cuộc « chuyện trò thiêng liêng ». Đêm xuống, cô năn nỉ anh cô tiếp tục cuộc trao đổi tới sáng « để nói qua về những niềm vui của đời sống trên thiên đàng ». Biển Đức từ chối nghe lời cô bởi sự trung thành nghiêm túc với kỷ luật đan tu. Chúng ta đều biết là lời cầu nguyện của nữ thánh Scholastica đã gây ra ngay tức khắc một cơn dông bão buộc thánh Biển Đức phải ở lại với cô. « Họ thức suốt đêm, say sưa với những cuộc trò chuyện thiêng liêng về đời sống tinh thần ».

Khi Biển Đức trách Scholastica đã gây ra tình trạng bất hợp lệ này, cô em trả lời bằng một câu mọi người đều biết : « Em khẩn cầu anh, anh không nghe ; em khẩn cầu Chúa em, Người Nhậm lời em ».

Lời bình luận cuối cùng ngắn gọn và tuyệt vời của thánh Grêgoriô là : « Theo lời của thánh Gio-an, “Thiên Chúa là tình yêu»», và bằng một sự phán đoán rất công bằng, cô ấy yêu nhiều hơn nên có quyền năng hơn. »

Giai đoạn này nhắc chúng ta rằng thành quả thực sự của bất kỳ tiên trình đồng hành và huynh đệ nào không chỉ là sự thoả thuận về ngôn từ và xét đoán mà còn là sự đồng thuận của tình yêu, sự đồng tâm hiệp thông trong đức ái của Thiên Chúa. Thường thì chúng ta không thực sự lắng nghe nhau, cùng nhau đi đến cùng, chứ đừng nói đến yêu thương nhau. Nhưng Thiên Chúa hàn gắn tất cả, đổi mới sự hiệp thông, giúp tiếp tục cuộc hành trình bằng cách ban tình yêu toàn năng cho những ai cầu xin Người và yêu mến Người như « Chúa của họ ».

« Em cầu xin Chúa của em và Ngài đã nghe lời em ».

Một trong những tư tưởng đơn giản nhưng đánh động của thánh Curé d'Ars là : « Chúa chúng ta thích làm theo ý muốn của những người yêu mến Ngài ». Chúa lắng nghe những người yêu mến Người, Người tuân theo tình yêu của chúng ta, tình yêu của những kẻ ăn xin. Có lẽ chúng ta quá thường xuyên quên yêu mến Chúa Kitô để Người có thể ban cho chúng ta ơn được đồng hành trong tình yêu của Người.